

LỊCH SỬ

THẺ TÍN DỤNG

LÊ ANH DŨNG

(Trung Tâm Ngoại ngữ

Kinh tế - Thương mại - Đại học Kinh tế)

dụng.

KHỞI THỦY CỦA THẺ TÍN DỤNG

Thẻ tín dụng (credit card) đầu tiên được phát hành do Western Union năm 1914. Các thẻ khác được phát hành do nhiều khách sạn, cửa hàng bách hoá, công ty dầu hỏa, hãng đường sắt. Người ta gọi thẻ tín dụng là "tiền kim khí" (metal money). Thẻ tín dụng được sử dụng vì tiện lợi và để trả tiền chậm (deferred payment).

Năm 1917, một vài công ty dầu hỏa bắt đầu bán những tập phiếu (coupon books) mà mỗi phiếu có thể đem đổi lấy xăng (redeemable for gasoline). Năm 1924, Tổng công ty Dầu hỏa bang California (General Petroleum Corporation of California) phát hành thẻ tín dụng đầu tiên để mua xăng (gasoline credit card) dành cho nhân viên của Tổng công ty và cho một số khách hàng chọn lọc, coi như sự xã giao hay ưu đãi đối với họ. Dần dần Tổng công ty mở rộng dịch vụ này ra cho quảng đại quần chúng. Sau đó, các công ty dầu hỏa lớn khác cũng bắt chước theo.

Nhiều công ty khác bắt đầu phát hành thẻ tín dụng cho tới cuộc khủng hoảng kinh tế (depression) năm 1929. Khối lượng công việc giấy tờ (paper work) và vấn đề thu hồi những món nợ quá hạn (collecting delinquent accounts) đã dẫn tới hậu quả là các công ty bớt chú ý tới thẻ tín dụng. Sự quan tâm nhiều tới thẻ tín dụng lại bùng lên lần nữa vào cuối thập niên 30. Vào thời gian này, hãng Điện thoại và Điện tín Mỹ (American Telephone and Telegraph) đã đi tiên phong với hệ thống thẻ tín dụng của họ, rồi thì các ngành công nghiệp hàng không và đường sắt cũng cho ra đời những kế hoạch riêng của họ về thẻ tín

Đồng thời, hãng DINERS tính tiền lại với những khách hàng mua thẻ (cardholders) của họ về tất cả những chi phí đã phát sinh của những người này trong tháng. Khi hãng DINERS CLUB phát đạt rồi thì thẻ tín dụng của hãng được nhiều nơi chấp nhận như khách sạn, công nghiệp du lịch, các cửa hàng bán lẻ.

Hãng AMERICAN EXPRESS đã biết lợi dụng kinh nghiệm của họ trong công nghiệp du lịch và biết nhận ra tiềm lực của thẻ tín dụng trong cơ cấu tổ chức rộng khắp thế giới của hãng, từ đó hãng AMERICAN EXPRESS đã quốc tế hoá việc sử dụng thẻ tín dụng của mình. Ngày nay, đây là một trong những kế hoạch phong phú nhất và thành công nhất thuộc lĩnh vực thẻ tín dụng phục vụ du lịch và giải trí. Hãng CARTE BLANCHE tiếp theo đó vào giữa thập niên 60 trở thành hãng cung cấp thẻ tín dụng phục vụ du lịch và giải trí.

Trong hai năm kế tiếp, gần một trăm ngân hàng tham gia vào lĩnh vực thẻ tín dụng với hy vọng đạt được sự thành công và gây lại sự phát đạt của thẻ tín dụng cung ứng dịch vụ du lịch, giải trí. Các ngân hàng không tính chi phí hằng năm và thường cung cấp thẻ tín dụng trên cơ sở 30, 60 hay 90 ngày; người mua thẻ được miễn lệ phí hàng năm (annual fees) và không phải trả thêm một khoản tiền nào khác (without extended payments). Hậu quả là, nguồn thu lợi tức chủ yếu đối với các ngân hàng đó là phần chiết khấu thương mại (merchant discount), mà phần thu đó thường không đủ để chi trả cho chi phí về hoạt động thẻ tín dụng (cost of the card operation). Để tạo thêm một nguồn thu nhập, một vài ngân hàng cung cấp cho khách hàng quyền được hoàn lại tiền trong vòng từ 3 tới 10 tháng (repayment options of 3 to 10 months) với một chi phí dịch vụ được tính trên số dư (outstanding balance).

THẺ NGÂN HÀNG (BANK CARD) VÀO NHỮNG NĂM 1950

Trước năm 1950, hầu hết các thẻ tín dụng đang lưu hành đều là những phương tiện giúp cho công ty phát hành ra chúng tăng nhanh số mại vụ. Năm 1950, Ông Frank X. McNamara cho ra đời loại thẻ mang tên DINERS CLUB CARD, là loại thẻ đầu tiên cung ứng cho khách hàng của ông dịch vụ giải trí và du lịch (travel and entertainment card). Sáng kiến này cho thấy thẻ tín dụng đang từ vai trò hạn chế của nó là cung ứng dịch vụ cho riêng một cơ sở hay tổ chức đã trở nên một ngành kinh doanh thực sự. Một thẻ dùng cho nhiều mục đích khác nhau (multipurpose card) có thể sử dụng khắp trong nước và tại nhiều chi nhánh khác nhau. Thẻ tín dụng DINERS CLUB giúp cho các thương gia có thể dùng thẻ tín dụng tại một số các nhà hàng và mỗi tháng hãng DINERS CLUB thanh toán cho các nhà hàng theo số thẻ đã bán ra sau khi đã khấu trừ một khoản bớt giá cho việc mua lại những "khoản phải thu" này (deducting a discount for the purchases of these "receivables").

THẺ TÍN DỤNG TRONG NHỮNG NĂM 1960

Năm 1966, Ngân hàng Mỹ (Bank of America) tuyên bố những kế hoạch thiết lập một tổ chức cấp giấy phép cấp quốc gia (a national licensing organization). Công ty Dịch vụ Bank America (Bank America Service Corporation) thực hiện thêm một bước phát triển quan trọng khác nữa trong lĩnh vực công nghiệp thẻ ngân hàng (bank card) và tháng 5 năm 1966, bắt đầu bán các giấy phép cho các ngân hàng để các ngân hàng bán cho khách hàng của họ các loại thẻ tín dụng mang tên Bank Americard có những màu Xanh, Trắng và Vàng kim (Blue, White, and Gold Bands BankAmericard). Hợp đồng thỏa thuận cấp giấy phép (the licensing agreement) cho phép sự hoán đổi lẫn nhau (interchange) giữa các ngân hàng đã được cấp giấy phép (licensee banks). Khoảng cuối năm 1966, các ngân hàng sau đây đã phát hành thẻ tín dụng BankAmericard:

- Bank of Hawaii, ở Honolulu, Bang Hawaii
- City National Bank and Trust, ở Columbus, Bang Ohio
- Puget Sound National Bank, ở Tacoma, Bang Washington
- State Street Bank and Trust, ở Boston, Bang Massachusetts
- Philadelphia National Bank, ở Philadelphia, Bang Pennsylvania
- National Bank of Commerce, ở Seattle, Bang Washington
- US National Bank of Oregon, ở Portland, Bang Oregon
- First National Bank of Oregon, ở Portland, Bang Oregon

Trong cùng năm 1966, bốn ngân hàng lớn ở Chicago đã sáng tạo ra thẻ tín dụng khu vực (regional credit card). Chín ngân hàng khác ở Illinois tham gia vào nhóm này.

Đặc tính có thể hoán đổi lẫn nhau (interchange feature) làm cho thẻ ngân hàng có nhiều sự thu hút, hấp dẫn hơn đối với giới doanh gia.

Trong tháng 8 năm 1966, các đại diện của mười bốn ngân hàng miền đông đã gặp nhau ở Buffalo, New York. Họ đã công bố ý định của họ là hình thành một hội để giao dịch hoán đổi và sẽ gọi tên là Interbank (Liên ngân hàng). Hội này được sáng lập để giúp cho thẻ của họ có sức cạnh tranh được với hệ thống thẻ của BankAmericard đang phát đạt.

Trong năm 1967, bốn ngân hàng ở bang California (The Bank of California, Crocker Bank, Wells Fargo, và United California Bank) khơi mào chương trình Master Charge và thành lập Hiệp hội Thẻ Ngân hàng của các Bang Miền Tây (Western States Bankcard Association), viết tắt là WSBA. Với sự thành lập hiệp hội WSBA này, việc tham gia vào chương trình Master Charge được mở rộng cho các ngân hàng khác ở miền tây. Master Charge được phát huy thành một kế hoạch thẻ để cạnh tranh ở California vì thẻ BankAmericard đã thành công hiển nhiên trong Bang và mới đạt được thêm thắng lợi là thẻ có tầm cỡ quốc gia (national card). Sau này, hiệp hội WSBA gia nhập và tiếp theo đó là bán cái tên Master Charge cho Interbank. Các hội viên của Interbank đã phát hành những thẻ riêng của họ bấy giờ bắt đầu dùng cái tên Master Charge. Họ nhận ra rằng chỉ dùng biểu hiệu của Interbank không thôi thì chưa đủ nổi bật để đảm bảo cho thẻ của họ khả năng được chấp nhận ở khắp nơi.

Năm 1968 là lúc khởi đầu cho một xu thế hãy còn tiếp tục cho tới ngày nay. Với một vài ngoại lệ, các ngân hàng không cố sức xâm nhập lĩnh vực thẻ ngân hàng mà không có sự liên kết với chương trình BankAmericard hay với hệ thống Interbank. Nhiều chương trình thẻ đứng riêng lẻ (independent card programs) và các hội địa phương

(regional associations) đã hoạt động một thời gian cũng bắt đầu chuyển biến để gia nhập vào một trong hai tổ chức nói trên.

Ngân hàng Mỹ (Bank of America) và các ngân hàng được cấp giấy phép của nó cùng nhau giải quyết những vấn đề nội tại phát sinh trong quá trình tiến triển của hệ thống thẻ ngân hàng. Bank of America từ bỏ sự kiểm soát BankAmericard và Công ty National BankAmericard được thành lập, viết tắt là NBI. Với sự thành lập Công ty NBI vào tháng 7 năm 1970, các ngân hàng được cấp giấy phép trở thành những hội viên không phải mua cổ phần (non-stock members) của công ty mới mẻ này.

● LAD.

(dịch theo tư liệu nước ngoài)

○ Ý kiến ngắn

THẬP KỶ - THẬP NIÊN - MUỐI NĂM ĐỀU DÙNG ĐƯỢC

Thi Á

Nhân bài "Thập kỷ hay Thập niên?" của Lê Anh Minh (LAM) in trong PTKT số 8 (tháng 4-91), tôi xin có vài ý kiến nhỏ đóng góp thêm như sau:

Anh LAM viết "... Thập kỷ là một từ tân tạo, chưa được ghi chép trong từ điển, trong khi từ Thập niên được sử dụng đã lâu và chính thức thuộc vốn từ vựng chuẩn mực tiếng Việt".

Sau đó anh LAM đã tra cứu trên 10 bộ từ điển của người nước ngoài, xuất bản ở ngoài nước Việt Nam để chứng minh rằng KỶ là 12 năm và Thập kỷ là 120 năm. Anh LAM còn dẫn chứng gần 10 mẫu câu tiếng Anh để xác minh cho việc dùng từ Thập niên trong tiếng Việt! Thật là kỳ công và cũng hơi... kỳ cục!

Bởi vì, chỉ cần mở cuốn "Từ điển tiếng Việt" do Văn Tân chủ biên cùng nhiều soạn giả khác, là những nhà ngôn ngữ học, nhà biên soạn từ điển lão thành và nghiêm túc của Việt Nam, do Nhà xuất bản KHXH xuất bản năm 1977 (in lần thứ 2), chúng ta có thể thấy ngay từ THẬP KỶ được chừa nghĩa là: danh từ. Khoảng thời gian mười năm. Chẳng lẽ các soạn giả cuốn từ điển này (và cả cố tác gia từ điển Đào Duy Anh nữa) lại có thể khinh xuất đến vậy sao? Hay đây chính là sự khinh xuất của một người thường đọc sách nước ngoài mà ít đọc sách tiếng Việt? (Cuốn từ điển trên xuất bản lần thứ nhất từ năm 1969).

